

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU THÀNH  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Bản án số: 824/2020/HNGĐ-ST  
Ngày 25/12/2020  
V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Huy Vũ**.

Các Hội thẩm nhân dân:

**1. Ông Lê Hoài Phong.**

**2. Bà Dương Thị Thu Vân.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Ngô Hoàng Huy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Duy Ngọc Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 699/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 214/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Lê Ngọc H**, sinh năm: 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Ông **Lê Trúc B**, sinh năm: 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp TQ, xã TLĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 19/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Lê Ngọc H trình bày: Bà và ông Lê Trúc B chung sống với nhau vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/4/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh*

phức đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột, vợ chồng đã cố hàn gắn nhưng không được nên ông bà đã ly thân từ năm 2017. Đến tháng 5/2020, bà đã nộp đơn xin ly hôn với ông B một lần nhưng rút lại yêu cầu do muốn cho ông B cơ hội hàn gắn. Tuy nhiên, vợ chồng không hàn gắn được. Nay, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Cho bà ly hôn với ông B.

- Về con chung: Có 01 con tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/6/2012. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Ông Lê Trúc B vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, ông B cũng vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ ý kiến và yêu cầu như đã trình bày trước đây.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu: Thảm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng. Về nội dung: Do bà H, ông B có mâu thuẫn kéo dài, ly thân từ năm 2017 mà không có biện pháp hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ông B cũng vắng mặt chứng tỏ ông không có ý hàn gắn với bà H, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà H ly hôn với ông B. Về con chung: Do cháu V được bà H nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo văn bản trình bày ý kiến thì nguyện vọng của cháu V là được sống với bà H nên cần giao cháu V cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Tại phiên tòa, bà H không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Lê Ngọc H khởi kiện ông Lê Trúc B yêu cầu ly hôn nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa bà H và ông B là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

[2] Ông Lê Trúc B vắng mặt dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nên Tòa án xét xử vắng mặt ông theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Hội đồng xét xử nhận thấy, bà Lê Ngọc H và ông Lê Trúc B sống chung năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Lý Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang vào ngày 02/4/2009 và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 31, như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình sống chung hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, có nhiều xung đột. Bà H yêu cầu được ly hôn, ông B vắng mặt nên không có ý kiến về vấn đề này. Nhận thấy, bà Lê Ngọc H và ông Lê Trúc B có phát sinh mâu thuẫn kéo dài, sống ly thân từ năm 2017. Trong thời gian ly thân, ông bà không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm, đồng thời trong suốt quá trình tố tụng ông B cũng vắng mặt chứng tỏ ông không có ý hàn gắn với bà H. Do mục đích hôn nhân không đạt được nên cần cho bà H được quyền ly hôn với ông B.

[4] Về con chung: Có 01 con tên Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/6/2012, hiện đang sống chung với bà H. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy, cháu V do bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ông bà ly thân, đồng thời theo văn bản trình bày ý kiến thì nguyện vọng của cháu V là được sống với bà H nên cần giao cháu V cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, tránh làm xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng không tốt tới sự phát triển tâm sinh lý của cháu. Bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bà H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Từ phân tích trên, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho bà Lê Ngọc H được quyền ly hôn với ông Lê Trúc B.
2. Về con chung: Giao cháu Lê Ngọc Khánh V, sinh ngày 14/6/2012 cho bà Lê Ngọc H là người trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được quyền ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Bà Lê Ngọc H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai số 0003345 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong.

Bà H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- UBND xã Tân Lý Đông;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

**Lê Huy Vũ**